

Số: 183 /QĐ-UBND

Hà Đông, ngày 20 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách
năm 2022 của quận Hà Đông**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết 24/NQ-HĐND ngày 23/12/2021 của HĐND quận Hà Đông về phân bổ dự toán thu, chi ngân sách năm 2022;

Theo đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch quận tại văn bản số 34/TCKH ngày 185/01/2022 về việc đề nghị công khai dự toán ngân sách năm 2022 của quận Hà Đông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 của quận Hà Đông:

- | | |
|------------------------------------|------------------------|
| - Tổng thu ngân sách nhà nước: | 5.269.260.000.000 đồng |
| - Tổng thu cân đối ngân sách quận: | 1.947.222.000.000 đồng |
| - Tổng chi cân đối ngân sách quận: | 1.947.222.000.000 đồng |

(Số liệu chi tiết như các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hà Đông, Chi cục trưởng Chi cục Thuế, Chủ tịch UBND các phường, Thủ trưởng các phòng ban, đơn vị thuộc quận và các ngành có liên quan căn cứ quyết định thi hành./. *my*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- UBND Thành phố Hà Nội;
- Sở Tài chính Hà Nội;
- TT Quận ủy, TT HĐND-UBND quận;
- Cổng Thông tin điện tử quận;
- Lưu: VT.

7 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cán Thị Việt Hà

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH QUẬN NĂM 2022*(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)**Đơn vị: Triệu đồng*

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH QUẬN	1.947.222
I	Thu ngân sách quận được hưởng theo phân cấp	1.900.788
-	Thu điều tiết thường xuyên	1.461.188
-	Thu điều tiết sử dụng đất	439.600
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	46.434
-	Thu bổ sung cân đối	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	46.434
III	Thu kết dư	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH QUẬN	1.947.222
I	Tổng chi cân đối ngân sách quận	1.900.788
1	Chi đầu tư phát triển	627.864
2	Chi thường xuyên	1.234.908
3	Dự phòng ngân sách	38.016
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
II	Chi các chương trình mục tiêu	46.434
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	46.434
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	3	4
	TỔNG THU NSNN	5.269.260	1.900.788
I	Thu nội địa	5.269.260	1.900.788
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý (1)		
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý (2)		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (3)		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4)	2.567.460	540.431
-	Thuế GTGT	1.658.340	348.251
-	Thuế TNDN	902.800	189.588
-	Thuế TTĐB hàng hoá SX trong nước	4.720	991
-	Thuế tài nguyên	1.600	1.600
-	Thu khác ngoài quốc doanh		
5	Thuế thu nhập cá nhân	581.700	122.157
6	Thuế bảo vệ môi trường	400	
-	Thuế BVMT thu từ năng lượng sản xuất, kinh doanh	400	
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu		
7	Lệ phí trước bạ	565.700	565.700
-	Trước bạ ô tô, xe máy	445.700	445.700
-	Trước bạ nhà đất	120.000	120.000
8	Thu phí, lệ phí	74.100	39.400
-	Phí, lệ phí do Thành phố thực hiện	34.700	
-	Phí và lệ phí huyện	4.400	4.400
-	Lệ phí môn bài	35.000	35.000
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	37.500	37.500
10	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	120.000	120.000
11	Thu tiền sử dụng đất	1.256.000	439.600
12	Thu các khoản đóng góp	0	0
13	Thu khác ngân sách	65.400	35.000
14	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	1.000	1.000
15	Thu hỗ trợ khi NN thu hồi đất	0	0
II	Thu từ dầu thô		
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu		
IV	Thu viện trợ		

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ
THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2022**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Nội dung	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách cấp quận	Ngân sách cấp xã
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NSDP	1.947.222	1.947.222	0
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	1.900.788	1.900.788	0
I	Chi đầu tư phát triển (1)	627.864	627.864	0
1	Chi đầu tư cho các dự án	627.864	627.864	0
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>			
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	169.683	169.683	
-	Chi khoa học và công nghệ	0	0	
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	439.600	439.600	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	0		
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	0		
3	Chi đầu tư phát triển khác	0		
II	Chi thường xuyên	1.234.908	1.234.908	
	<i>Trong đó:</i>			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	719.515	719.515	
2	Chi khoa học và công nghệ (2)			
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương	0		
IV	50% tăng thu chưa phân bổ	0		
V	Dự phòng ngân sách	38.016	38.016	
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	0		
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	46.434	46.434	
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	46.434	46.434	
1	Kinh phí đặc thù công tác Đảng	10.749	10.749	
2	Miễn giảm học phí học viên học tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đại học ngoài công lập theo Nghị định 81	2.860	2.860	

S T T	Nội dung	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách cấp quận	Ngân sách cấp xã
A	B	1=2+3	2	3
3	Hỗ trợ học phí do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo Nghị quyết 08/2021/NQ-HĐND	32.825	32.825	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			

24

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH QUẬN THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2022

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH QUẬN	1.947.222
I	Chi đầu tư phát triển	627.864
1	Chi đầu tư cho các dự án	524.649
	<i>Trong đó:</i>	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	169.683
1.2	Chi khoa học và công nghệ	-
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình	1.500
1.4	Chi văn hóa thông tin	153.317
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	-
1.6	Chi thể dục thể thao	3.800
1.7	Chi bảo vệ môi trường	-
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	176.549
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	19.800
1.10	Chi bảo đảm xã hội	-
2	Chi đầu tư phát triển khác	103.215
II	Chi thường xuyên	1.281.342
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	752.340
-	Chi khoa học và công nghệ (3)	-
-	Chi quốc phòng	20.179
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	13.599
-	Chi văn hóa thông tin, thể thao, phát thanh, truyền hình, thông tấn	17.151
-	Chi sự nghiệp du lịch	
-	Chi bảo vệ môi trường	148.414
-	Chi các hoạt động kinh tế	44.415
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	175.778
-	Chi bảo đảm xã hội	67.739
-	Chi thường xuyên khác	38.215
III	Dự phòng ngân sách	38.016
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (1)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (1)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ	1.947.222	627.864	1.281.343	0	0	38.016	0	0	0	0	0
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	1.909.205	627.864	1.281.343	0	0	0	0	0	0	0	0
	Khối cơ quan QLNN											
1	VP HĐND - UBND	15.558		15.558					0			
2	Thanh tra quận	1.512		1.512								
3	Phòng Văn Hóa - TT	2.164		2.164								
4	Phòng TC-KH	2.676		2.676								
5	Phòng QLĐT	1.991		1.991								
6	Phòng Kinh tế	4.014		4.014								
7	Phòng TNMT	4.218		4.218								
8	Phòng nội vụ	4.448		4.448								
9	Phòng tư pháp	812		812								
10	Phòng giáo dục - đào tạo	7.391		7.391								
11	Phòng Y tế	2.690		2.690								

S T T	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (1)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (1)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
12	Phòng LĐTB&XH	60.189		60.189								
13	Đội quản lý trật tự xây dựng	7.583		7.583								
	Khối Đảng, Đoàn thể	0										
1	Quận ủy	27.107		27.107								
2	UB MTTQ	1.666		1.666								
3	Đoàn thanh niên CS HCM	990		990								
4	Hội Phụ nữ	1.045		1.045								
5	Hội CCB	895		895								
	Đơn vị sự nghiệp	0										
1	Trung tâm TDTT	10.872		10.872								
2	Trung tâm GDTX nghề nghiệp	10.815		10.815								
3	TT bồi dưỡng chính trị	3.165		3.165								
5	Các đơn vị trường học	609.665		609.665								
	Đơn vị khác											
1	Hội người mù	375		375								
2	Hội chữ thập đỏ	488		488								
3	Ban QLDA ĐTXD	528.287	382.210	146.077								

77

S T T	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (1)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (1)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
4	BHXXH quận	0		0								
5	Ngân hàng chính sách	5.000		5.000								
6	Công an quận	4.237		4.237								
7	Ban chỉ huy quân sự quận	10.538		10.538								
	Điều hành tập trung	171.688		171.688								
	Khối phường	407.127	245.653	161.474								
II	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	38.016					38.016					
III	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	0										
IV	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	0										

7/12

**DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2021**
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ	627.864	169.683	-	-	-	1.500	153.117	-	4.000	-	168.604	135.104	-	19.800	-	41.160
1	Ban QLDA đầu tư xây dựng	382.210	169.683				1.500	76.000		3.800		113.427	80.227		5.300		12.500
2	Phường Mộ Lao	12.000															12.000
3	Phường Yên Nghĩa	11.800										11.800	11.800				
4	Phường Phú Lãm	12.300						4.500				300			7.500		
5	Phường La Khê	6.600										3.600	3.600				3.000
6	Phường Kiến Hưng	9.600						4.700				700	700		4.200		
7	Phường Yết Kiêu	1.500													1.500		
8	Phường Vạn Phúc	12.700						1.700				5.500	5.500				5.500
9	Phường Văn Quán	11.632						7.117				2.200	2.200				2.315
10	Phường Phú Lương	13.300						12.000							1.300		
11	Phường Đồng Mai	28.500						16.800		200		6.600	6.600				4.900
12	Phường Dương Nội	20.945						14.500				5.500	5.500				945
13	Phường Biên Giang	4.500						1.700				2.800	2.800				

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
14	Phường Quang Trung	1.200						500				700	700				
15	Phường Phú La	6.000						1.500				4.500	4.500				
16	Phường Phúc La	6.877										6.877	6.877				
17	Phường Nguyễn Trãi	2.000						2.000									
18	Phường Hà Cầu	14.200						10.100				4.100	4.100				
	<i>Vốn quyết toán</i>	70.000															

TH

**DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022**
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ	1.281.342	752.340	-	20.179	13.599	3.509	17.151	-	-	148.414	44.415	-	-	175.778	67.739	38.215
I	Khối cơ quan QLNN	115.245	2.681	-	-	-	1.810	-	-	-	1.700	3.347	-	-	47.194	58.514	-
1	VP HĐND - UBND	15.558													15.558		
2	Thanh tra quận	1.512													1.512		
3	Phòng Văn Hóa - TT	2.164										1.097			1.067		
4	Phòng TC-KH	2.676													2.676		
5	Phòng QLĐT	1.991													1.991		
6	Phòng Kinh tế	4.014										2.250			1.764		
7	Phòng TNMT	4.218									1.700				2.518		
8	Phòng nội vụ	4.448													4.448		
9	Phòng tư pháp	812													812		
10	Phòng giáo dục - đào tạo	7.391	2.681												4.710		
11	Phòng Y tế	2.690					1.810								880		
12	Phòng LĐTB&XH	60.189													1.675	58.514	
13	Đội quản lý trật tự xây dựng	7.583													7.583		
II	Khối Đảng, Đoàn thể	31.703	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	31.703	-	-

m

S T T	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Quận ủy	27.107													27.107		
2	UB MTTQ	1.666													1.666		
3	Đoàn thanh niên CS HCM	990													990		
4	Hội Phụ nữ	1.045													1.045		
5	Hội CCB	895													895		
III	Đơn vị sự nghiệp	634.516	623.644	-	-	-	-	10.872	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Trung tâm văn hóa TT - TT	10.872						10.872									
2	Trung tâm GDNN- GDTX	10.815	10.815														
3	Trung tâm chính trị	3.165	3.165														
4	Các đơn vị trường học	609.665	609.665														
IV	Đơn vị khác	328.189	-	-	20.179	13.599	1.699	3.824	-	-	146.714	7.571	-	-	95.726	8.553	30.323
1	Hội người mù	375													375		
2	Hội chữ thập đỏ	488													488		
3	Ban QLDA ĐTXD	146.077									146.077						
4	BHXXH	-															
5	Ngân hàng chính sách	5.000										5.000					
6	Phường	161.474			9.642	9.362	1.699	3.824			637	2.571			94.863	8.553	30.323
7	Công an	4.237				4.237											
8	Quân sự	10.538			10.538												
V	Nguồn điều hành tập trung	171.688	126.015					2.455			-	33.498			1.155	672	7.892

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2021				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2021				Kế hoạch vốn năm 2021				
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngoài nước	Ngân sách trung ương		NS địa phương	Ngoài nước	Ngân sách trung ương		NS địa phương	Ngoài nước	Ngân sách trung ương		NS địa phương			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	TỔNG SỐ		0			2.559.246			2.559.246	495.413			495.413	1.005.648			1.005.648	627.864			627.864
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		0			1.576.585			1.576.585	495.413			495.413	1.005.648			1.005.648	299.664			299.664
	<i>Dự án khởi công mới năm 2022</i>		0			982.661			982.661	0			0	0			0	258.200			258.200
A	LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP		0			911.557			911.557	104.272			104.272	200.415			200.415	169.683			169.683
a	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		0	0	0	322.756			322.756	104.272			104.272	200.415			200.415	66.783			66.783
1	Trường THCS Biên Giang (giai đoạn 2) phường Biên Giang quận Hà Đông	Phường Biên Giang		2021-2023	8397/QĐ-UBND ngày 25/10/2014; 3151/QĐ-UBND ngày 31/8/2020	46.363	0	0	46.363	12.531	0	0	12.531	37.612	0	0	37.612	500	0	0	500
2	Trường mầm non trong khu đất dịch vụ đầu giá xứ đông Chả Quan, Dưới Đông, Ngõ Cống, phường Kiến Hưng, quận Hà Đông	Phường Kiến Hưng		2020-2025	4364/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	52.710	0	0	52.710	15.500	0	0	15.500	39.617	0	0	39.617	7.500	0	0	7.500
3	Xây mới và cải tạo nâng cấp trường THCS Yên Nghĩa phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông thành phố Hà Đông	Phường Yên Nghĩa		2020-2023	4194/QĐ-UBND ngày 19/10/2019	30.580	0	0	30.580	6.710	0	0	6.710	22.710	0	0	22.710	4.000	0	0	4.000
4	Cải tạo chống xuống cấp các trường mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn quận Hà Đông năm học 2020-2021	Quận Hà Đông		2021-2023	5159/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	11.874	0	0	11.874	7.531	0	0	7.531	7.531	0	0	7.531	3.000	0	0	3.000
5	Xây mới và cải tạo nâng cấp trường tiểu học Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông	Phường Nguyễn Trãi		2021-2023	5195/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	18.733	0	0	18.733	7.600	0	0	7.600	7.600	0	0	7.600	9.000	0	0	9.000
6	Cải tạo nhà tập đa năng, đơn nguyên 2 tầng và các hạng mục phụ trợ trường THCS Phú Lãm	Phường Phú Lãm		2020-2022	5199/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	5.911	0	0	5.911	4.900	0	0	4.900	4.900	0	0	4.900	500	0	0	500
7	Cải tạo nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ trường THCS Mộ Lao, phường Mộ Lao, quận Hà Đông	Phường Mộ Lao		2021-2023	5132/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	3.326	0	0	3.326	2.100	0	0	2.100	2.100	0	0	2.100	800	0	0	800
8	Xây mới nhà lớp học, hiệu bộ và cải tạo nâng cấp trường mầm non La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông	Phường Dương Nội		2021-2023	5134/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	49.183	0	0	49.183	17.300	0	0	17.300	17.300	0	0	17.300	15.000	0	0	15.000
9	Xây thêm đơn nguyên nhà lớp học, nhà ăn và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Dương Nội A, phường Dương Nội, quận Hà Đông	Phường Dương Nội		2021-2023	5135/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	26.740	0	0	26.740	11.900	0	0	11.900	11.900	0	0	11.900	10.000	0	0	10.000
10	Mua sắm thông thường trang thiết bị cho nhà lớp học 4 tầng 6 phòng, bếp ăn trường tiểu học Văn Khê, phường Văn Khê, quận Hà Đông	P.La Khê			Số 9766/QĐ-UBND ngày 24/10/2016	2.381	0	0	2.381		0	0		1.965	0	0	1.965	174	0	0	174

72

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2021	Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2021				Kế hoạch vốn năm 2021							
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngoài nước	Ngân sách trung ương			NS địa phương	Ngoài nước	Ngân sách trung ương		NS địa phương	Ngoài nước	Ngân sách trung ương		NS địa phương		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
11	Mua sắm thông thường trang thiết bị cho trường mầm non trong khu đất dịch vụ LK 20A, LK 20B (thuộc quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 trục đô thị phía Bắc) phường Dương Nội.	P. Dương Nội			Số 7972/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	4.252	0	0	4.252		0	0		3.730	0	0	3.730	305	0	0	305
12	Mua sắm thông thường trang thiết bị cho trường mầm non trong khu đất dịch vụ LK16, LK17, LK18A, LK18B(thuộc quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 trục đô thị phía Bắc) phường Dương Nội.	P. Dương Nội			Số 7971/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	4.157	0	0	4.157		0	0		3.700	0	0	3.700	294	0	0	294
13	Mua sắm thông thường trang thiết bị cho khối THCS (đơn nguyên xây mới) trên địa bàn quận Hà Đông	Quận Hà Đông			Số 8016/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	1.934	0	0	1.934		0	0		1.620	0	0	1.620	209	0	0	209
14	Mua sắm trang thiết bị cho trường THCS Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông	P. Văn Quán			Số 9581/QĐ-UBND ngày 12/10/2016	8.226	0	0	8.226		0	0		7.105	0	0	7.105	1	0	0	1
15	Trường mầm non khu dân cư Đồng Dưa phường Hà Cầu quận hà Đông, hạng mục Nhà đơn nguyên 3 và các hạng mục phụ trợ	P. Hà Cầu			4398/QĐ-UBND ngày 17/10/2018	14.495			14.495					12.825			12.825	500			500
16	Cải tạo, mở rộng trường THCS Văn Yên, phường Phúc La, quận Hà Đông	Phường Phúc La		2021-2023	5137/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	41.891	0	0	41.891	18.200	0	0	18.200	18.200	0	0	18.200	15.000	0	0	15.000
b	Dự án khởi công mới năm 2022	0		0	0	588.801	0	0	588.801	0	0	0	0	0	0	0	0	102.900	0	0	102.900
1	Trường mầm non khu đất dịch vụ xứ đồng Địa Lão thôn Mậu Lương phường Kiến Hưng quận Hà Đông Hà Nội	P.Kiến Hưng		2022-2025	5152/QĐ-UBND ngày 13/8/2013; điều chỉnh tại NQ 22/NQ-HĐND ngày 16/11/2021	44.899	0	0	44.899		0	0			0	0		500	0	0	500
2	Xây thêm đơn nguyên nhà lớp học 4 tầng và cải tạo, nâng cấp trường Mầm non Biên Giang, phường Biên Giang, quận Hà Đông(khu A).	P. Biên Giang		2022-2025	NQ số 22/NQ-HĐND ngày 16/11/2021	21.470	0	0	21.470		0	0			0	0		500	0	0	500
3	Xây mới Nhà lớp học bộ môn và cải tạo, nâng cấp Trường tiểu học Phú Lâm, phường Phú Lâm, quận Hà Đông	P.Phú Lâm		2022-2025	NQ số 22/NQ-HĐND ngày 16/11/2021	30.260	0	0	30.260		0	0			0	0		500	0	0	500
4	Xây mới nhà lớp học, chức năng 4 tầng và cải tạo nâng cấp trường tiểu học Kim Đồng phường Dương Nội, quận Hà Đông	P. Dương Nội		2022-2025	Nq số 21/NQ-HĐND ngày 30/9/2021	41.945	0	0	41.945		0	0			0	0		500	0	0	500
5	Xây mới nhà lớp học, phòng học chức năng trường Mầm non Phú Lương, phường Phú Lương, quận Hà Đông	P. Phú Lương		2022-2025	NQ số 22/NQ-HĐND ngày 16/11/2021	19.772	0	0	19.772		0	0			0	0		500	0	0	500
6	Xây mới trườngTHCS Hà Cầu, phường Hà Cầu, quận Hà Đông.	P. Hà Cầu		2022-2026	Nq số 21/NQ-HĐND ngày 30/9/2021	138.681			138.681									2.000			2.000

S TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2021				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2021				Kế hoạch vốn năm 2021				
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngoài nước	Ngân sách trung ương		NS địa phương	Tổng số	Ngoài nước		Ngân sách trung ương	NS địa phương	Tổng số		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	NS địa phương	
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
7	Cải tạo, xây mới nhà lớp học, lớp học bộ môn và các hạng mục phụ trợ trường THCS Kiến Hưng, phường Kiến Hưng, quận Hà Đông	P. Kiến Hưng		2022-2026	Nq số 21/NQ-HĐND ngày 30/9/2021	44.873			44.873									500			500
8	Cải tạo chống xuống cấp và duy trì đạt chuẩn quốc gia cho các trường mầm non trên địa bàn quận Hà Đông năm 2022	Q. Hà Đông		2022-2025	NQ số 22/NQ-HĐND ngày 16/11/2021	14.826			14.826									300			300
9	Xây thêm đơn nguyên nhà thư viện-hội trường trường tiểu học Lê Lợi, phường Hà Cầu, quận Hà Đông	P. Hà Cầu		2022-2025	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 16/11/2020 của HĐND	13.300	0	0	13.300		0	0			0	0		300	0	0	300
10	Cải tạo xây mới trường tiểu học Yên Nghĩa phần khu B, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông	P. Yên Nghĩa		2022-2025	4387/QĐ-UBND ngày 15/9/2021	33.320	0	0	33.320		0	0			0	0		13.000	0	0	13.000
11	Xây mới nhà lớp học 5 tầng và các hạng mục phụ trợ trường THCS Mậu Lương, phường Kiến Hưng, quận Hà Đông	P. Kiến Hưng		2022-2025	6686/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	30.651	0	0	30.651		0	0			0	0		12.000	0	0	12.000
12	Mua sắm bổ sung thiết bị Trường tiểu học Vạn Bảo phục vụ đạt chuẩn trường chất lượng cao	P. Vạn Phúc		2022-2025	5667/QĐ-UBND ngày 08/11/2021	1.068	0	0	1.068		0	0			0	0		800	0	0	800
13	Mua sắm trang thiết bị cho các dự án trường THCS Biên Giang (giai đoạn 2); Đơn nguyên 1 Trường mầm non Kiến Hưng, trường tiểu học Trần Đăng Ninh, quận Hà Đông	Q. Hà Đông		2022-2025	6749/QĐ-UBND ngày 11/12/2021	8.066	0	0	8.066		0	0			0	0		6.000	0	0	6.000
14	Xây mới đơn nguyên 9 phòng học trường tiểu học Kiến Hưng, phường Kiến Hưng, quận Hà Đông	P. Kiến Hưng		2022-2025	6692/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	12.997	0	0	12.997		0	0			0	0		9.000	0	0	9.000
15	Cải tạo, nâng cấp các trường mầm non đạt chuẩn quốc gia quận Hà Đông	Q. Hà Đông		2022-2025	6538/QĐ-UBND ngày 08/12/2021	7.998	0	0	7.998		0	0			0	0		5.000	0	0	5.000
16	Đầu tư xây dựng đường dây, trạm biến áp, mua sắm điều hòa cho các trường mầm non trên địa bàn quận Hà Đông	Q. Hà Đông		2022-2025	6597/QĐ-UBND NGÀY 09/12/2021	36.834	0	0	36.834		0	0			0	0		17.500	0	0	17.500
17	Đầu tư xây dựng đường dây, trạm biến áp, mua sắm điều hòa cho các trường Tiểu học trên địa bàn quận Hà Đông	Q. Hà Đông		2022-2025	6596/QĐ-UBND NGÀY 09/12/2021	33.136	0	0	33.136		0	0			0	0		13.000	0	0	13.000
18	Đầu tư xây dựng đường dây, trạm biến áp, mua sắm điều hòa cho các trường THCS trên địa bàn quận Hà Đông	Q. Hà Đông		2022-2026	6595/QĐ-UBND NGÀY 09/12/2021	54.705	0	0	54.705		0	0			0	0		21.000	0	0	21.000
B	LĨNH VỰC VĂN HÓA, THÔNG TIN	0			0	709.966	0	0	709.966	176.021	0	0	176.021	336.703	0	0	336.703	153.317	0	0	153.317
a	Dự án chuyển tiếp	0			0	486.469	0	0	486.469	176.021	0	0	176.021	336.703	0	0	336.703	77.317	0	0	77.317
1	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Yên Phúc, p Biên Giang, q. Hà Đông	P. Biên Giang		2021	4997/QĐ-UBND ngày 05/12/2020	12.636	0	0	12.636	8.900	0	0	8.900	8.900	0	0	8.900	1.500	0	0	1.500
2	Dự án Tu bổ, tôn tạo di tích đình An Thắng phường Biên Giang, HD	P. Biên Giang		2020	4362/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	9.852	0	0	9.852	200	0	0	200	8.000	0	0	8.000	200	0	0	200

S TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2021	Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2021				Kế hoạch vốn năm 2021							
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngoài nước	Ngân sách trung ương			NS địa phương	Ngoài nước	Ngân sách trung ương		NS địa phương	Ngoài nước	Ngân sách trung ương		NS địa phương		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
3	Tu bổ tôn tạo di tích chùa Khánh Hưng, phường Đồng Mai. Hạng mục: Tam quan, Gác chuông, nhà Tiền tế, Tiền đường và Thượng điện	P. Đồng Mai		2019	4592/QĐ-UBND 31/10/2018	14.907	0	0	14.907	500	0	0	500	11.436	0	0	11.436	1.000	0	0	1.000
4	Tu bổ, tôn tạo Đình Phúc Mậu (gđ2) phường Đồng Mai	P. Đồng Mai		2019	4608/QĐ-UBND 31/12/2018	6.009			6.009	0			0	4.786			4.786	500			500
5	Sân thể thao số 2 (khu úng) phường Đồng Mai	P. Đồng Mai		2017	6404/QĐ-UBND 28/10/2015	7.941	0	0	7.941	0	0	0	0	6.597	0	0	6.597	200	0	0	200
6	Cải tạo sửa chữa nhà văn hóa tổ 1, tổ 10, tổ 18 phường Đồng Mai	P. Đồng Mai		2020	4436/QĐ-UBND 31/10/2019	3.890	0	0	3.890		0	0		2.000	0	0	2.000	1.200	0	0	1.200
7	Tu bổ tôn tạo Đình Thị tổ dân phố 11 phường Đồng Mai	P. Đồng Mai		2020	4320/QĐ-UBND 28/10/2019	14.981	0	0	14.981		0	0		12.500	0	0	12.500	500	0	0	500
8	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Cổ Bán phường Đồng Mai	P. Đồng Mai		2021	4996/QĐ-UBND 05/12/2020	14.991	0	0	14.991	10.500	0	0	10.500	10.500	0	0	10.500	2.500	0	0	2.500
9	Cải tạo sửa chữa nhà văn hóa tổ dân phố 14,15,16 phường Đồng Mai	P. Đồng Mai		2021	5230/QĐ-UBND 10/12/2020	4.500	0	0	4.500	3.200	0	0	3.200	3.200	0	0	3.200	500	0	0	500
10	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Nhân Đạo phường Đồng Mai	P. Đồng Mai		2021	5211/QĐ-UBND 09/12/2020	11.041	0	0	11.041	7.800	0	0	7.800	7.800	0	0	7.800	1.600	0	0	1.600
11	Tu bổ tôn tạo di tích Chùa Nhân Đạo phường Đồng Mai	P. Đồng Mai		2021	5146/QĐ-UBND 09/12/2020	19.936	0	0	19.936	8.154	0	0	8.154	8.154	0	0	8.154	9.000	0	0	9.000
12	Cải tạo, sửa chữa nhà sinh hoạt cộng đồng tổ dân phố 2,3,6 phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông	P. Nguyễn Trãi		2021-2023	5198/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	3.518	0	0	3.518	2.500	0	0	2.500	2.500	0	0	2.500	500	0	0	500
13	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa tổ dân phố 11 phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông	P. Nguyễn Trãi		2021-2023	2453/QĐ-UBND ngày 31/3/2021	3.500	0	0	3.500	1.300	0	0	1.300	1.300	0	0	1.300	1.500	0	0	1.500
14	Mua sắm trang thiết bị trụ sở UBND phường và các nhà sinh hoạt cộng đồng trên địa bàn phường Quang Trung, quận Hà Đông	P. Quang Trung		2021	5220/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	2.571	0	0	2.571	1.800	0	0	1.800	1.800	0	0	1.800	500	0	0	500
15	Trùng tu, tôn tạo di tích lịch sử chùa Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông	Phú La		2012-2020	15217/QĐ-UBND ngày 31/10/2011	27.096	0	0	27.096	0	0	0	0	22.500	0	0	22.500	1.500	0	0	1.500
16	Tu bổ tôn tạo di tích chùa và miếu (đền) Thanh Lâm (Giai đoạn 2) phường Phú Lâm	P.Phú Lâm		2021-2022	Số 5210 ngày 09/12/2020	14.588	0	0	14.588		0	0		7.600	0	0	7.600	4.500	0	0	4.500
17	Tu bổ, tôn tạo đình Bắc Lâm, phường Phú Lương, quận Hà Đông.	P. Phú Lương		2020	Số 5209 ngày 09/12/2020	14.900	0	0	14.900		0	0		10.500	0	0	10.500	2.200	0	0	2.200
18	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Ó, phường Phú Lương, quận Hà Đông	P. Phú Lương		2020	Số 5107 ngày 08/12/2020	14.889	0	0	14.889		0	0		11.388	0	0	11.388	1.500	0	0	1.500
19	Tu bổ, tôn tạo di tích Phủ Chúa Ba, phường Phú Lương, quận Hà Đông	P. Phú Lương		2020	Số 5208 ngày 09/12/2020	11.071	0	0	11.071		0	0		7.900	0	0	7.900	1.500	0	0	1.500

S TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2021	Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2021				Kế hoạch vốn năm 2021-							
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngoài nước	Ngân sách trung ương			NS địa phương	Ngoài nước	Ngân sách trung ương		NS địa phương	Ngoài nước	Ngân sách trung ương		NS địa phương		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
20	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Chúc Thánh, phường Phú Lương, quận Hà Đông	P. Phú Lương		2020	Số 5205 ngày 09/12/2020	14.845	0	0	14.845		0	0		10.400	0	0	10.400	2.200	0	0	2.200
21	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Trình Lương, phường Phú Lương, quận Hà Đông	P. Phú Lương		2020	Số 5207 ngày 09/12/2020	14.980	0	0	14.980		0	0		10.100	0	0	10.100	2.500	0	0	2.500
22	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Tường Quang, phường Phú Lương, quận Hà Đông	P. Phú Lương		2020	Số 5206 ngày 09/12/2020	14.900	0	0	14.900		0	0		10.500	0	0	10.500	2.100	0	0	2.100
23	Cải tạo các nhà văn hóa, phòng đọc sách trên địa bàn phường Vạn Phúc, quận Hà Đông	P. Vạn Phúc		2021	5194/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	6.936	0	0	6.936		0	0		4.900	0	0	4.900	1.000	0	0	1.000
24	Hội trường họp dân Lô CC02 (khu đất dịch vụ LK10, LK12), phường Vạn Phúc, quận Hà Đông	P. Vạn Phúc		2021	5282/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	4.945	0	0	4.945		0	0		3.500	0	0	3.500	700	0	0	700
25	Tu bổ, tôn tạo đền Độc Cước - mộ Công chúa (Miếu Văn Quán), phường Văn Quán (giai đoạn 1), quận Hà Đông; Hạng mục: Tu bổ, tôn tạo đền Độc Cước (Tiền tế, Đại bái, Hậu cung)	P. Văn Quán		2021-2023	Số 5305/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	14.988	0	0	14.988		0	0		5.300	0	0	5.300	7.000	0	0	7.000
26	Xây dựng hội trường tổ dân phố 7, phường Văn Quán	P. Văn Quán		2019-2020	4500/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	2.815	0	0	2.815		0	0		2.575	0	0	2.575	117	0	0	117
27	Văn chỉ Đa Sỹ và các HMPT phường Kiến Hưng	P. Kiến Hưng		2020-2022	212/ QĐ-UBND ngày 20/11/2012	9.573	0	0	9.573	3.000	0	0	3.000	7.000	0	0	7.000	1.000	0	0	1.000
28	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Đại Bi (chùa Mẫu Lương Hạ), phường Kiến Hưng, quận Hà Đông	P. Kiến Hưng		2020-2022	5149/ QĐ-UBND ngày 09/12/2020	14.959	0	0	14.959	10.767	0	0	10.767	10.767	0	0	10.767	2.000	0	0	2.000
29	Xây dựng nhà Thủy đình, ao đình Mẫu Lương, phường Kiến Hưng, quận Hà Đông	P. Kiến Hưng		2020-2022	5280/ QĐ-UBND ngày 11/12/2020	7.440	0	0	7.440	4.600	0	0	4.600	4.600	0	0	4.600	1.700	0	0	1.700
30	Dự án: Tu bổ, tôn tạo di tích miếu La Cã, phường Dương Nội. Hạng mục: Tiền tế, đại bái, hậu cung, tả hữu mạc và các hạng mục phụ trợ khác	Phường Dương Nội		2020-2023	4278 ngày 25/10/2019	16.251	0	0	16.251	5.000	0	0	5.000	12.200	0	0	12.200	1.600	0	0	1.600
31	Tu bổ, tôn tạo di tích đình La Dương phường Dương Nội, quận Hà Đông	Phường Dương Nội		2021-2023	4995/QĐ-UBND ngày 05/12/2020	14.484	0	0	14.484	10.200	0	0	10.200	10.200	0	0	10.200	2.100	0	0	2.100
32	Tu bổ, tôn tạo Chùa La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông	Phường Dương Nội		2021-2023	5148/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	14.990			14.990	10.000			10.000	10.000			10.000	2.700			2.700
33	Tu bổ, tôn tạo nhà Thủy Đình, Ao đình La Cã, phường Dương Nội, quận Hà Đông	Phường Dương Nội		2021-2023	5204/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	10.396			10.396	7.300			7.300	7.300			7.300	1.500			1.500
34	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Am Hảo (chùa Hếu) phường Dương Nội, quận Hà Đông	Phường Dương Nội		2021-2023	5203/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	14.880	0	0	14.880	10.500	0	0	10.500	10.500	0	0	10.500	2.200	0	0	2.200
35	Tu bổ, tôn tạo Chùa La Âm, phường Dương Nội, quận Hà Đông	Phường Dương Nội		2021-2023	5202/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	14.846	0	0	14.846	10.400	0	0	10.400	10.400	0	0	10.400	2.200	0	0	2.200

S TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2021				Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2021				Kế hoạch vốn năm 2021				
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngoài nước	Ngân sách trung ương		NS địa phương	Ngoài nước	Ngân sách trung ương		NS địa phương	Ngoài nước	Ngân sách trung ương		NS địa phương			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
36	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa La Cả, phường Dương Nội, quận Hà Đông	Phường Dương Nội		2021-2023	5201/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	14.980	0	0	14.980	10.500	0	0	10.500	10.500	0	0	10.500	2.200	0	0	2.200
37	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Hà Trì, phường Hà Cầu, quận Hà Đông	P.Hà Cầu		2021-2024	số 4500/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	14.963	0	0	14.963	10.500	0	0	10.500	10.500	0	0	10.500	2.200	0	0	2.200
38	Tu bổ, tôn tạo di tích Miếu Hà Trì, phường Hà Cầu, quận Hà Đông	P.Hà Cầu		2021-2024	số 4498/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	14.994	0	0	14.994	10.500	0	0	10.500	10.500	0	0	10.500	2.300	0	0	2.300
39	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Cầu Đơ, phường Hà Cầu, quận Hà Đông	P.Hà Cầu		2021-2024	số 4428/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	14.994	0	0	14.994	10.500	0	0	10.500	10.500	0	0	10.500	2.300	0	0	2.300
40	Tu bổ, tôn tạo di tích Miếu Cầu Đơ, phường Hà Cầu, quận Hà Đông	P.Hà Cầu		2021-2024	Số 5305/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	14.993	0	0	14.993	10.500	0	0	10.500	10.500	0	0	10.500	2.300	0	0	2.300
41	Cải tạo, sửa chữa các nhà sinh hoạt cộng đồng các tổ dân phố Hà Trì 2, 5; Cầu Đơ 1, 2, 3, 5; Ngõ Thị Nhậm 1, 2 và mua sắm thiết bị các nhà sinh hoạt cộng đồng trên địa bàn phường Hà Cầu, quận Hà Đông	P.Hà Cầu		2021-2024	QĐ số 5141 ngày 9/12/2020	6.500	0	0	6.500	6.900	0	0	6.900	4.600	0	0	4.600	1.000	0	0	1.000
b	Dự án khởi công mới năm 2022	0		0	0	223.497			223.497	0			0	0			0	76.000			76.000
1	Cải tạo, nâng cấp các nhà văn hóa tổ dân phố 3,8,15 phường Yên Nghĩa	P. Yên Nghĩa		2022-2025	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 16/11/2020 của HĐND	3.000	0	0	3.000		0	0			0	0		200	0	0	200
2	Nâng cấp, cải tạo các nhà văn hóa tổ 5, 16, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông	P. Yên Nghĩa		2022-2025	NQ số 22/NQ-HĐND ngày 16/11/2021	2.625	0	0	2.625		0	0			0	0		100	0	0	100
3	Tu bổ, tôn tạo miếu Cầu Đơ (giai đoạn 2), giếng, nhà Bia Liệt sỹ Cầu Đơ, phường Hà Cầu, quận Hà Đông	P. Hà Cầu		2022-2025	NQ số 22/NQ-HĐND ngày 16/11/2021	13.509	0	0	13.509		0	0			0	0		200	0	0	200
4	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Tân Tiến, phường Biên Giang, quận Hà Đông	P. Biên Giang		2022-2025	NQ số 22/NQ-HĐND ngày 16/11/2021	10.263	0	0	10.263		0	0			0	0		200	0	0	200
5	Tu bổ tôn tạo di tích nhà lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông	P. Phú La		2022-2025	Nq số 21/NQ-HĐND ngày 30/9/2021	4.154	0	0	4.154		0	0			0	0		200	0	0	200
6	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Vạn Phúc, phường Vạn Phúc	P. Vạn Phúc		2022-2025	NQ số 22/NQ-HĐND ngày 16/11/2021	14.997	0	0	14.997		0	0			0	0		200	0	0	200
7	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Nghĩa Lộ, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, Hà Nội	P. Yên Nghĩa		2022-2025	NQ số 22/NQ-HĐND ngày 16/11/2021	20.960			20.960									200			200
8	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Động Lâm, phường Phú Lương	P. Phú Lương		2022-2025	6670/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	15.867			15.867									8.000			8.000

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2021	Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2021				Kế hoạch vốn năm 2021							
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt															
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn										
							Ngoài nước	Ngân sách trung ương			NS địa phương	Ngoài nước	Ngân sách trung ương	NS địa phương	Tổng số	Ngoài nước	Ngân sách trung ương	NS địa phương			
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
9	Tu bổ, tôn tạo đình Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông	p. Phúc La		2022-2025	6671/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	14.863	0	0	14.863		0	0			0	0		7.500	0	0	7.500
10	Cải tạo nhà sinh hoạt cộng đồng Tổ dân phố 3, phường Yên Kiêu	P. Yên Kiêu		2022-2025	6473/QĐ-UBND ngày 8/12/2021	1.404	0	0	1.404		0	0			0	0		900	0	0	900
11	Cải tạo, sửa chữa nhà sinh hoạt cộng đồng tổ dân phố Thăng Lợi, Trung Kiên, Trung Bình, Đoàn Kết, Quyết Tâm, Quang Minh, phường Dương Nội	P. Dương Nội		2022-2025	6572/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	4.421	0	0	4.421		0	0			0	0		2.800	0	0	2.800
12	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Y Sơn phường Đồng Mai, quận Hà Đông, Hà Nội.	P. Đồng Mai		2022-2025	6668/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	20.912	0	0	20.912		0	0			0	0		10.500	0	0	10.500
13	Tu bổ, tôn tạo di tích Chùa Sùng Phúc (chùa Bắc Lãm) phường Phú Lương	P. Phú Lương		2022-2025	6746/QĐ-UBND ngày 11/12/2021	22.562	0	0	22.562		0	0			0	0		11.000	0	0	11.000
14	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Huyền Kỳ phường Phú Lãm, quận Hà Đông, Hà Nội.	P. Phú Lãm		2022-2025	6669/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	21.615	0	0	21.615		0	0			0	0		10.000	0	0	10.000
15	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Huyền Kỳ phường Phú Lãm, quận Hà Đông, Hà Nội.	P. Phú Lãm		2022-2025	6745/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	19.101	0	0	19.101		0	0			0	0		8.000	0	0	8.000
16	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Thượng Mạo, phường Phú Lương	P. Phú Lương		2022-2025	6667/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	21.017	0	0	21.017		0	0			0	0		10.000	0	0	10.000
17	Tu bổ tôn tạo di tích miếu La Cả (giai đoạn 2) phường Dương Nội, quận Hà Đông	P. Dương Nội		2022-2025	6598/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	12.227	0	0	12.227		0	0			0	0		6.000	0	0	6.000
C	LĨNH VỰC CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	0		14.147	0	744.721	0	0	744.721	169.700	0	0	169.700	379.719	0	0	379.719	176.549	0	0	176.549
a	Dự án chuyển tiếp	0		14.147	0	603.685			603.685	169.700			169.700	379.719			379.719	112.049			112.049
1	Cải tạo đường, RTN trực chính các TDP Giang Chính, Rang Đông, An Thắng, Phúc Tiến, Biên Giang, quận Hà Đông	P. Biên Giang		2021	5184/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	13.500	0	0	13.500	9.500	0	0	9.500	9.500	0	0	9.500	2.000	0	0	2.000
2	Cải tạo đường, rãnh thoát nước ao giếng Giang Lê, Yên Phúc, Biên Giang, Hà Đông	P. Biên Giang		2021	5217/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	5.226	0	0	5.226	3.700	0	0	3.700	3.700	0	0	3.700	800	0	0	800
3	Cải tạo, nâng cấp đường, rãnh thoát nước ngõ 3 Nguyễn Viết Xuân, ngõ 18 Ngô Quyền và các tuyến TDP 11, TDP 16 phường Quang Trung, quận Hà Đông	P. Quang Trung		2021	5218/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	4.747	0	0	4.747	3.400	0	0	3.400	3.400	0	0	3.400	700	0	0	700
4	Xây dựng khu công viên cây xanh CX 01 phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội	P.Mộ Lao		2021-2023	5154/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	13.800	0	0	13.800	4.900	0	0	4.900	4.900	0	0	4.900	7.000	0	0	7.000
5	Xây dựng vườn hoa cây xanh thể dục thể thao khu trại Trảng Cây Huyền Kỳ phường Phú lãm	P. Phú Lãm		2021-2022	Số 5196 ngày 09/12/2020	5.035	0	0	5.035	4.100	0	0	4.100	4.100	0	0	4.100	300	0	0	300
6	Cải tạo đường, rãnh thoát nước tổ dân phố 1, 2 phường Phú La, quận Hà Đông	Phú La		2021-2022	2538/QĐ-UBND ngày 07/06/2021	9.086	0	0	9.086	3.200	0	0	3.200	3.200	0	0	3.200	4.500	0	0	4.500

7/9

S TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2021	Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2021				Kế hoạch vốn năm 2021							
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt															
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn										
							Ngoài nước	Ngân sách trung ương			NS địa phương	Ngoài nước	Ngân sách trung ương	NS địa phương	Tổng số	Ngoài nước	Ngân sách trung ương	NS địa phương	Tổng số	Ngoài nước	Ngân sách trung ương
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
7	Cải tạo, nâng cấp đường, rãnh thoát nước tập thể tỉnh đội và TDP 19 phường Phúc La, Hà Đông	P.Phúc La		2021-2023	5135/QĐ-UBND ngày 09/12/20	5.065	0	0	5.065	3.300	0	0	3.300	3.300	0	0	3.300	1.000	0	0	1.000
8	Cải tạo đường, rãnh thoát nước TDP số 1,2,3,12 phường Phúc La, quận Hà Đông	P.Phúc La		2021-2023	5155/QĐ-UBND ngày 09/12/20	8.374	0	0	8.374	3.000	0	0	3.000	3.000	0	0	3.000	4.200	0	0	4.200
9	Cải tạo đường và rãnh thoát nước tổ dân phố số 4,7 phường Phúc La, quận Hà Đông	P.Phúc La		2021-2023	5140/QĐ-UBND ngày 09/12/20	5.480	0	0	5.480	4.000	0	0	4.000	4.000	0	0	4.000	577	0	0	577
10	Cải tạo đường và rãnh thoát nước tổ 10,11 phường Phúc la	P.Phúc La		2021-2023	5147/QĐ-UBND ngày 09/12/20	4.390	0	0	4.390	2.600	0	0	2.600	2.600	0	0	2.600	1.100	0	0	1.100
11	Cải tạo hệ thống đường, rãnh thoát nước các tổ dân phố 4,5,9 phường Đồng Mai, quận Hà Đông	P. Đồng Mai		2021-2023	5231/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	14.985	0	0	14.985	9.300	0	0	9.300	9.300	0	0	9.300	3.500	0	0	3.500
12	Cải tạo nâng cấp hệ thống đường, rãnh thoát nước các tổ dân phố 10,11,12,13,14,15,16 phường Đồng Mai, quận Hà Đông	P. Đồng Mai		2021-2024	5232/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	13.969	0	0	13.969	8.800	0	0	8.800	8.800	0	0	8.800	3.100	0	0	3.100
13	Cải tạo đường, rãnh thoát nước tổ dân phố Bạch Đằng, phường Vạn Phúc	P. Vạn Phúc		2021	5172/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	7.931	0	0	7.931	5.600	0	0	5.600	5.600	0	0	5.600	1.200	0	0	1.200
14	Cải tạo đường, rãnh thoát nước tổ dân phố Độc Lập, phường Vạn Phúc	P. Vạn Phúc		2021	5174/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	5.000	0	0	5.000	3.500	0	0	3.500	3.500	0	0	3.500	800	0	0	800
15	Cải tạo đường, rãnh thoát nước các tổ dân phố Đoàn Kết, Quyết Tiến, Chiến Thắng, phường Vạn Phúc	P. Vạn Phúc		2021	5193/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	11.017	0	0	11.017	6.900	0	0	6.900	6.900	0	0	6.900	2.500	0	0	2.500
16	Cải tạo đường, rãnh thoát nước tổ dân phố Hạnh Phúc, Hồng Phong, phường Vạn Phúc	P. Vạn Phúc		2021	5176/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	5.197	0	0	5.197	3.700	0	0	3.700	3.700	0	0	3.700	1.000	0	0	1.000
17	Cải tạo đường rãnh thoát nước tổ 1, tổ 4, tổ 5 phường Văn Quán	P.Văn Quán			Số 5293/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	1.913	0	0	1.913	900	0	0	900	900	0	0	900	700	0	0	700
18	Cải tạo, nâng cấp đường ngõ 110, 112 tổ dân phố 2; đường khu tập thể xe khách tổ dân phố 3; ngõ 51 Chiến Thắng tổ dân phố 10; các ngách thuộc ngõ 55 Trần Phú, ngõ 5, 18, 31 đường Lương Ngọc Quyến tổ dân phố 11	P.Văn Quán			số 5238/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	3.021	0	0	3.021	1.100	0	0	1.100	1.100	0	0	1.100	1.500	0	0	1.500
19	Cải tạo, nâng cấp đường và xây dựng hệ thống chiếu sáng từ công chào TDP số 14 đến đình làng TDP số 7, 8 phường Yên Nghĩa	Yên Nghĩa		2020	KTKT QĐ số 4286/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	6.417	0	0	6.417	1.500	0	0	1.500	4.800	0	0	4.800	700	0	0	700
20	Cải tạo đường giao thông, rãnh thoát nước trục chính đường Hòa Bình, Yên Bình, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông	Yên Nghĩa		2021-2023	QĐ số 5090/QĐ-UBND ngày 7/12/2020	14.460	0	0	14.460	9.200	0	0	9.200	9.200	0	0	9.200	3.100	0	0	3.100

S TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2021	Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2021				Kế hoạch vốn năm 2021							
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngoài nước	Ngân sách trung ương			NS địa phương	Ngoài nước	Ngân sách trung ương		NS địa phương	Ngoài nước	Ngân sách trung ương		NS địa phương		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
21	Cải tạo đường, rãnh thoát nước trực chính đường Yên Hòa tổ 15,16 phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông	Yên Nghĩa		2021-2023	QĐ số 5091/QĐ-UBND ngày 7/12/2020	13.800	0	0	13.800	9.700	0	0	9.700	9.700	0	0	9.700	2.000	0	0	2.000
22	Cải tạo đường, rãnh thoát nước trực chính khu vực Nghĩa Lộ, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông	Yên Nghĩa		2021-2023	QĐ số 5183/QĐ-UBND ngày 9/12/2020	8.500	0	0	8.500	6.000	0	0	6.000	6.000	0	0	6.000	1.500	0	0	1.500
23	Cải tạo hệ thống, rãnh thoát nước trực chính khu vực Yên Lộ, Do Lộ, tổ dân phố 5, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông	Yên Nghĩa		2021-2023	QĐ số 5233/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	14.939	0	0	14.939	8.500	0	0	8.500	8.500	0	0	8.500	4.500	0	0	4.500
24	Cải tạo đường, rãnh thoát nước các khu Cầu Đơ và Ngõ Thị Nhậm phường Hà Cầu, quận Hà Đông	P.Hà Cầu		2021-2024	QĐ số 5157 ngày 9/12/2020	12.768	0	0	12.768	6.700	0	0	6.700	6.700	0	0	6.700	4.100	0	0	4.100
25	Cải tạo, nâng cấp đường, thoát nước tổ dân phố 6,7,8 phường Kiến Hưng	P Kiến Hưng		2021-2024	5156/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	4.925	0	0	4.925	3.500	0	0	3.500	3.500	0	0	3.500	700	0	0	700
26	Cải tạo đường, rãnh thoát nước tổ 1, 2, 3, 4 phường La Khê, quận Hà Đông	La Khê		2021-2022	5151/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	11.788	0	0	11.788	7.300	0	0	7.300	7.300	0	0	7.300	3.000	0	0	3.000
27	Cải tạo đường, rãnh thoát nước tổ 5, 6, 7, 8 phường La Khê, quận Hà Đông	La Khê		2021-2022	5131/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	4.078	0	0	4.078	2.900	0	0	2.900	2.900	0	0	2.900	600	0	0	600
28	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông và hệ thống thoát nước trực chính khu La Nội phường Dương Nội, quận Hà Đông	Phường Dương Nội		2021-2022	Số 5152 ngày 9/12/2020	8.707	0	0	8.707	6.100	0	0	6.100	6.100	0	0	6.100	1.400	0	0	1.400
29	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông và hệ thống thoát nước tuyến chính khu Ý La, phường Dương Nội, quận Hà Đông	Phường Dương Nội		2021-2022	Số 5197 ngày 9/12/2020	14.660	0	0	14.660	10.800	0	0	10.800	10.800	0	0	10.800	2.000	0	0	2.000
30	Cải tạo đường giao thông và rãnh thoát nước tổ dân phố Thành Công và Kiến Quyết phường Dương Nội, quận Hà Đông	Phường Dương Nội		2021-2022	Số 5142 ngày 09/12/2020	14.211	0	0	14.211	10.000	0	0	10.000	10.000	0	0	10.000	2.100	0	0	2.100
31	Xây kè ngói từ Miếu quán La Dương đến đường Lê Trọng Tấn	Phường Dương Nội		2019-2020	4557/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	7.102	0	0	7.102		0	0		5.600	0	0	5.600	945	0	0	945
32	Cải tạo nâng cấp đường, hè và rãnh thoát nước đường Lý Thường Kiệt, tổ dân phố 4 phường Phú La	Phường Phúc La		2012-2021	15007/QĐ-UBND ngày 28/10/2011 của UBND quận	32.825	0	0	32.825		0	0		20.388	0	0	20.388	5.000	0	0	5.000
33	Các tuyến đường kết nối khu đất DV LK21,26, HTSP phường La Khê. HM: Nền đường vỉa hè cây xanh, ATGT, đường ống kỹ thuật, cấp thoát nước chiếu sáng	Phường La Khê		2017-2022	15891/QĐ-UBND ngày 19/11/2011; 14390/QĐ-UBND ngày 17/12/2012	63.908	0	0	63.908		0	0		40.582	0	0	40.582	10.000	0	0	10.000

S TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2021	Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2021				Kế hoạch vốn năm 2021							
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt															
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
							Ngoài nước	Ngân sách trung ương	NS địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	NS địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	NS địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	NS địa phương
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
34	Đường kết nối khu đất DV thôn Nhân Trạch thôn Bắc Lâm (Nam Ninh Khu Xê) phường Phú Lương quận Hà Đông. Hạng mục: Nền mặt đường hệ đường cây xanh thoát nước mưa thoát nước thải hào kỹ thuật cấp nước và PCCC chiều sáng kê xây và tổ chức giao thông	Phường Phú Lương		2017-2022	11979/QĐ-UBND ngày 30/12/2016	132.292			132.292	2.000			2.000	87.000			87.000	10.000			10.000
35	Xây dựng tuyến đường tiếp giáp khu đất DV Đào Đất Hàng Bè nối với đường 18,5m phường Kiến Hưng Quận Hà Đông	Phường Kiến Hưng		2018-2021	7985/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	28.065			28.065	0			0	15.800			15.800	3.927			3.927
36	Đường kết nối khu trung tâm hành chính với ngã tư đường Hà Tri - Văn Phú - Phúc La quận Hà Đông. HM: Nền, mặt đường, hệ đường, HT thoát nước, đường ống kỹ thuật, ATGT, điện chiếu sáng. Địa điểm phường Hà Cầu	Phường Hà Cầu		2011-2021	4957/QĐ-UB ngày 28/4/2010	49.371	0	0	49.371	4.000	0	0	4.000	43.349	0	0	43.349	10.000	0	0	10.000
37	Đầu nối giao thông giáp ranh khu dân cư Ngõ Thị Nhậm quận Hà Đông	Phường Hà Cầu, Quang Trung, La Khê		2021-2023	5182/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	23.133	0	0	23.133	0	0	0	0	0	0	0	0	10.000	0	0	10.000
b	Dự án khởi công mới năm 2022	0		0	0	141.036	0	0	141.036	0	0	0	0	0	0	0	0	64.500	0	0	64.500
1	Cải tạo đường, rãnh thoát nước tổ dân phố 6,7,9 phường Vạn Phúc, quận Hà Đông	P. Vạn Phúc		2022-2025	6581/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	6.463	0	0	6.463		0	0			0	0		3.300	0	0	3.300
2	Cải tạo bờ ao Đình, ao chùa Văn La, nền mặt đường, hệ thống thoát nước tổ dân phố 5, 6 phường Phú La, quận Hà Đông	P. Phú La		2022-2025	QĐ số 6474/QĐ-UBND ngày 08/12/2021	2.800			2.800									1.400			1.400
3	Cải tạo đường, rãnh thoát nước tổ dân phố Trung Bình, phường Dương Nội	P. Dương Nội		2022-2025	QĐ số 6573/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	4.208	0	0	4.208		0	0			0	0		2.100	0	0	2.100
4	Cải tạo đường, rãnh thoát nước các tổ dân phố 1, 2, 6, 7, 9, phường Nguyễn Trãi	P. Nguyễn Trãi		2022-2025	QĐ số 6662/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	4.308	0	0	4.308		0	0			0	0		2.100	0	0	2.100
5	Cải tạo mặt đường, rãnh thoát nước các tổ dân phố 12, 13, 14, 15, phường Quang Trung, quận Hà Đông	P. Quang Trung		2022-2025	QĐ số 6574/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	4.837			4.837									2.400			2.400
6	Cải tạo đường, rãnh thoát nước tổ dân phố 1, 2, 6, 8, 9, 11, 12, 13 phường Mộ Lao, quận Hà Đông	P. Mộ Lao		2022-2025	QĐ số 6391/QĐ-UBND ngày 04/12/2021	9.555			9.555									5.000			5.000
7	Cải tạo, nâng cấp ao Phú Mỹ TDP Phú Mỹ và ao 1, 2 TDP An Thắng phường Biên Giang, quận Hà Đông	P. Biên Giang		2022-2025	QĐ số 6750/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	3.498	0	0	3.498		0	0			0	0		1.700	0	0	1.700

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2021	Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2021				Kế hoạch vốn năm 2021							
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt															
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
							Ngoài nước	Ngân sách trung ương	NS địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	NS địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	NS địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	NS địa phương
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
8	Cải tạo, nâng cấp đường và rãnh thoát nước Tổ dân phố Quyết Tâm, phường Dương Nội, quận Hà Đông	P. Dương Nội		2022-2025	QĐ số 6695/QĐ-UBND ngày 10/12/2021.	5.577	0	0	5.577		0	0			0	0		2.700	0	0	2.700
9	Cải tạo, nâng cấp đường, rãnh thoát nước các tuyến còn lại khu vực tổ dân phố 9, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, Hà Nội	P. Yên Nghĩa		2022-2025	QĐ số 6682/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	7.138			7.138									4.000			4.000
10	Cải tạo hệ thống đường, rãnh thoát nước tổ dân phố 7, 8, 9, phường Đồng Mai, quận Hà Đông.	P. Đồng Mai		2022-2025	QĐ số 6681/QĐ-UBND Ngày 10/12/2021	11.852			11.852									6.000			6.000
11	Cải tạo đường và rãnh thoát nước tổ dân phố 3,8,10,11,14 phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông	P. Nguyễn Trãi		2022-2025	NQ số 22/NQ-HĐND ngày 16/11/2021	7.500			7.500									300			300
12	Cải tạo, nâng cấp đường, rãnh thoát nước tổ dân phố Giang Lê, Phường Bãi, phường Biên Giang, quận Hà Đông	P. Biên Giang		2022-2025	NQ số 22/NQ-HĐND ngày 16/11/2021	8.917			8.917									300			300
13	Dự án xây dựng khu cây xanh thể dục thể thao thuộc khu đất dịch vụ, đất ở Hà Trì, phường Hà Cầu, quận Hà Đông.	P. Hà Cầu		2022-2025	6644/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	2.148			2.148									1.000			1.000
14	Dự án xây dựng khu cây xanh thể dục thể thao thuộc khu đất dịch vụ tại Lô LK20a, LK20b phường Dương nội, quận Hà Đông.	P. Dương Nội		2022-2025	6663/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	1.671			1.671									900			900
15	Dự án xây dựng khu cây xanh thể dục thể thao thuộc khu đất dịch vụ La' Dương, La Nội, phường Dương nội, quận Hà Đông.	P. Dương Nội		2022-2025	6599/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	8.735			8.735									4.500			4.500
16	Dự án xây dựng khu cây xanh thể dục thể thao thuộc khu đất dịch vụ tại Lô LK27, C13a, C13b, LK28, HT10, TTC, phường Dương nội, quận Hà Đông.	P. Dương Nội		2022-2025	6665/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	2.103			2.103									1.000			1.000
17	Dự án xây dựng khu cây xanh thể dục thể thao Khu đất dịch vụ xứ đồng Đảo Đất, Háng Bè khu Mậu Lương Kiến Hưng, quận Hà Đông	P. Kiến Hưng		2022-2025	6684/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	8.205			8.205									4.100			4.100
18	Dự án xây dựng khu cây xanh thể dục thể thao Khu đất dịch vụ Đìa Lã, Kiến Hưng, quận Hà Đông	P. Kiến Hưng		2022-2025	6685/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	8.863			8.863									4.500			4.500
19	Nâng cấp, cải tạo vườn hoa Thanh Bình, phường Mộ Lao	P. Mộ Lao		2022-2025	6418/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	2.408			2.408									1.200			1.200
20	Mua sắm, lắp đặt dụng cụ TDTT ngoài trời phục vụ nhân dân rèn luyện sức khỏe trên địa bàn quận Hà Đông	Q. Hà Đông		2022-2025	902/QĐ-UBND ngày 01/3/2021	11.694			11.694									5.000			5.000

ML

S TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2021	Lũy kế vốn đã bỏ tri đến 31/12/2021				Kế hoạch vốn năm 2021							
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngoài nước	Ngân sách trung ương			NS địa phương	Ngoài nước	Ngân sách trung ương		NS địa phương	Ngoài nước	Ngân sách trung ương		NS địa phương		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
21	Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị công nghệ thông tin tại bộ phận một cửa quận và các phường trên địa bàn quận Hà Đông	Q. Hà Đông		2022-2025	6748/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	18.556			18.556									11.000			11.000
D	LĨNH VỰC TRỤ SỞ, QLNN	0			0	67.777			67.777	17.400			17.400	34422			34422	19800			19800
a	Dự án chuyển tiếp	0			0	67.777			67.777	17.400			17.400	34422			34422	19800			19800
1	Xây mới hội trường, phòng làm việc, một cửa và cải tạo sửa chữa UBND phường Đồng Mai	P. Đồng Mai		2021	5181/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	17.612			17.612	6.200			6.200	6.200			6.200	5.000			5.000
2	Xây dựng nhà làm việc các đoàn thể phường Phú Lương, quận Hà Đông	P. Phú Lương		2019	Số 4353 ngày 30/10/2019	9.224			9.224	1.000			1.000	6.522			6.522	1.300			1.300
3	Xây mới và cải tạo trụ sở làm việc UBND phường Phú Lãm, quận Hà Đông	P. Phú Lãm		2020-2023	Số 4877 ngày 02/12/2020	14.800			14.800	5.200			5.200	5.200			5.200	7.500			7.500
4	Nâng cấp, cải tạo nhà làm việc Đảng ủy - UBND phường Kiến Hưng	P. Kiến Hưng			4955/ QĐ-UBND ngày 03/12/2020	8.321			8.321	2.900			2.900	2.900			2.900	4.200			4.200
5	Cải tạo sửa chữa trụ sở UBND phường Yết Kiêu, quận Hà Đông	P Yết Kiêu		2021-2023	5177/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	3.000			3.000	1.100			1.100	1.100			1.100	1.500			1.500
6	Cải tạo nâng cấp nhà thi đấu quận Hà Đông phục vụ tổ chức seagame 31 và pragames 11, phường Quang Trung quận Hà Đông.	Phường Quang Trung		2020-2023	4329/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	14.820			14.820	1.000			1.000	12.500			12.500	300			300
b	Dự án khởi công mới năm 2022																				
E	LĨNH VỰC THỂ DỤC, THỂ THAO					7.547			7.547	0			0	0			0	3800			3800
a	Dự án chuyển tiếp	0		0	0	0			0	0			0	0			0	0			0
b	Dự án khởi công mới năm 2022					7.547			7.547	0			0	0			0	3800			3800
1	Cải tạo và mua sắm trang thiết bị nhà thi đấu Hà đông phục vụ tổ chức Seagme 31 và ParaGame 11 (giai đoạn 3) phường Quang Trung, quận Hà Đông	Phường Quang Trung		2022-2025	6672/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	7.547			7.547					0			0	3.800			3.800
F	LĨNH VỰC Y TẾ	0		0	0	10.154			10.154	2.500			2.500	7500			7500	1500			1500
a	Dự án chuyển tiếp					10.154			10.154	2.500			2.500	7500			7500	1500			1500
1	Cải tạo , nâng cấp trạm y tế phường Hà Cầu, quận Hà Đông	Phường Hà Cầu		2020-2023	4391/QĐ-UBND ngày 31/10/2020	10.154			10.154	2.500			2.500	7.500			7.500	1.500			1.500
b	Dự án khởi công mới năm 2022	0		0	0	0			0	0			0	0			0	0			0
G	LĨNH VỰC KHÁC	0		10.103	0	107.525			107.525	25.520			25.520	46889			46889	33215			33215
a	Dự án chuyển tiếp	0		10.103	0	85.745			85.745	25.520			25.520	46889			46889	22215			22215
1	Cải tạo nâng cấp Hồ Chùa Chợ tổ dân phố 7 phường Đồng Mai	P. Đồng Mai		2020	4421/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	5.724			5.724	220			220	3.620			3.620	1.000			1.000
2	Cải tạo Giếng tổ dân phố 2, tổ dân phố 6 phường Đồng Mai	P. Đồng Mai		2021	5178/QĐ-UBND ngày 9/12/2020	6.067			6.067	4.200			4.200	4.200			4.200	1.000			1.000
3	Cải tạo Hồ sau chợ Sáng tổ dân phố 6 phường Đồng Mai	P. Đồng Mai		2021	2634/QĐ-UBND ngày 13/8/2020	5.809			5.809	2.100			2.100	2.100			2.100	2.900			2.900
4	Xây dựng nhà tro cốt khu nghĩa trang Mộ Lao	P.Mộ Lao		2021-2023	5158/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	14.500			14.500	5.100			5.100	5.100			5.100	5.000			5.000

S TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2021	Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2021				Kế hoạch vốn năm 2021							
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt				Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngoài nước	Ngân sách trung ương			NS địa phương	Ngoài nước	Ngân sách trung ương		NS địa phương	Ngoài nước	Ngân sách trung ương		NS địa phương		
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
5	Xây dựng Quảng trường cây xanh phường Vạn Phúc	P. Vạn Phúc		2020	4410/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	2.853			2.853	500			500	1.900			1.900	500			500
6	Xây nhà tro cốt nghĩa trang nhân dân phường Vạn Phúc	P. Vạn Phúc		2021	3562/QĐ-UBND ngày 22/9/2020	11.653			11.653	4.100			4.100	4.100			4.100	5.000			5.000
7	Cải tạo nghĩa trang nhân dân phường La Khê, quận Hà Đông, Hà Nội	La Khê		2021-2022	5153/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	13.178			13.178	8.300			8.300	8.300			8.300	3.000			3.000
8	Cải tạo nâng cấp khu nhà bia tưởng niệm anh hùng liệt sỹ phường Văn Quán, quận Hà Đông	P. Văn Quán		2019-2020	243/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	876			876				572				572	215			215
9	Cải tạo hồ Bến Ván tổ dân phố 3 phường Đồng Mai	P. Đồng Mai		2019-2021	4556-UBND ngày 30/10/2018	11.099			11.099				6.997				6.997	1.500			1.500
10	Xây dựng nhà lưu tro phường Văn Quán	P. Văn Quán			4395/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	13.986			13.986	1.000			1.000	10.000			10.000	2.100			2.100
b	Dự án khởi công mới năm 2022	0		0	0	21.780			21.780	0			0	0			0	11000			11000
1	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ phường Vạn Phúc, quận Hà Đông	P. Vạn Phúc		2022-2025	6755/QĐ-UBND ngày 11/12/2021	11.840			11.840									6.000			6.000
2	Cải tạo nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ phường Quang Trung, quận Hà Đông	P. Quang Trung		2022-2025	6769/QĐ-UBND ngày 11/12/2021	9.940			9.940									5.000			5.000
	Vốn công trình Quyết toán																	70000			70000

mf